

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 04/4/2023.

V/v ly hôn giữa chị Bùi Thị R
và anh Nguyễn Văn Q.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quốc Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Nguyễn Văn Thực.

2. Bà Phạm Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Huế – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 417/2022/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị R**, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Thôn T, xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

+ Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Thôn T, xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

(Chị R, anh Q đều có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2022, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình nguyên đơn chị Bùi Thị R trình bày.** Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Q là do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 16 tháng 10 năm 1996. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra xô xát cãi chửi nhau. Đến năm 2020 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nay chị

xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân (viết tắt TAND) huyện Hưng Hà giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Q. Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn Q có hai con chung là Nguyễn Thị Thuỳ M, sinh ngày 22 tháng 5 năm 1997 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2010. Hiện tại con Nguyễn Thị Thuỳ M đã trưởng thành nên chị không yêu cầu toà án giải quyết. Từ khi vợ chồng sống ly thân chị là người trực tiếp nuôi con Nguyễn Hoàng L, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh Q phải góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Về tài sản: Chị và anh Q tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì công việc bận mải nên chị không thể đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

*** *Tại bản tự khai ngày 18/01/2023, bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày.*** Về điều kiện, thời gian kết hôn như chị R trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra xô xát cãi chửi nhau. Đến năm 2020 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị R đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh thì anh cũng đồng ý. Về con chung: Anh và chị R có hai con chung là Nguyễn Thị Thuỳ M, sinh ngày 22 tháng 5 năm 1997 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2010. Hiện tại con Nguyễn Thị Thuỳ M đã trưởng thành nên anh không yêu cầu toà án giải quyết. Từ khi vợ chồng sống ly thân chị R là người trực tiếp nuôi con Nguyễn Hoàng L. Ly hôn anh nhường quyền nuôi con Nguyễn Hoàng L cho chị R nuôi dưỡng và anh không phải góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị R. Về tài sản: Anh và chị R tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì công việc bận mải nên anh không thể đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án được. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt tại các lần triệu tập và phiên tòa xét xử vụ án.

*** *Phát biểu của Kiểm sát viên.*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử cho

chị Bùi Thị R được ly hôn anh Nguyễn Văn Q; về nuôi con chung: Chị R và anh Q có hai con chung là Nguyễn Thị Thuỳ M, sinh ngày 22 tháng 5 năm 1997 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2010. Con Nguyễn Thị Thuỳ M đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Giao con Nguyễn Hoàng L cho chị R nuôi dưỡng và anh Q không phải góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị R; về tài sản: Chị R, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Chị R phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị R khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Văn Q, nơi cư trú thôn Thọ Mỹ, xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là “ly hôn, nuôi con chung”. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Chị R, anh Q có đơn xin xử vắng mặt, vì vậy Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị R, anh Q theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị R kết hôn với anh Q là do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 16/10/1996, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong việc nuôi dạy con chung. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay. Chị R và anh Q đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đều đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị R, anh Q đã căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho ly hôn giữa chị R và anh Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị R và anh Q có hai con chung là Nguyễn Thị Thuỳ M, sinh ngày 22 tháng 5 năm 1997 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2010. Nguyễn Thị Thuỳ M đã trưởng thành anh chị không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết. Ly hôn chị R xin được nuôi con Nguyễn Hoàng L và anh Q cũng đồng ý nhường quyền nuôi con cho chị R. Chị R không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Cháu Nguyễn Hoàng L cũng có nguyện vọng được ở cùng với chị R. Đây là sự thoả thuận của các đương sự nên chấp nhận việc giao con Nguyễn Hoàng L cho chị R trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q không phải góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị R.

[4] *Về chia tài sản chung và nợ chung*: Chị R, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị R phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị R và anh Nguyễn Văn Q.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Bùi Thị R trực tiếp nuôi con Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2010. Anh Q không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung: Chị R, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị R phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị R đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005954 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. (Chị R đã nộp đủ tiền án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Chị R, anh Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã Hồng Minh;
- Lưu: HS-HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quốc Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Quốc Khánh

